

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2026

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thuần.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Cù Thị Lan.

2. Bà Đặng Thị Hương.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Bích Thủy.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11/12/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; HKTT: Thôn NĐ, xã ĐN, huyện HH, tỉnh Thái Bình; địa chỉ hiện tại: Số 398, Đoạn 2, đường TS, làng TH, thị trấn TS, huyện NĐ, Trung Quốc (Đài Loan): Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn:* Ông Phạm Thanh T, sinh năm 2000 và bà Đoàn Thị Ái V, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: Số 33 Đường số 4, phường 7, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Số 33 Đường số 4, phường 7, phường HT, thành phố Hồ Chí Minh): Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1972; địa chỉ: Buôn C, xã BAD, huyện Kr, tỉnh Đắc Lắc (Nay là Buôn C, xã DK, tỉnh Đắc Lắc): có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N trình bày như sau:**

Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Văn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐN, huyện HH, tỉnh Thái Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 06/12/1996.

Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Nh thường xuyên cờ bạc, bạo hành, đánh đập bà N và không quan tâm đến gia đình. Đến năm 2015 Bà Nguyễn Thị N sang Đài Loan sinh sống và làm việc, và sống ly thân cho đến nay.

Sau thời gian ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn được, bản thân bà N không thể tiếp tục chung sống với ông Nh nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn N1, sinh ngày 19/10/1997. Nay Nguyễn Văn N1 đã trưởng thành do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Nh tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Theo bản tự khai ngày 11/12/2025, bị đơn Ông Nguyễn Văn Nh trình bày như sau:**

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 06/12/1996 tại Ủy ban nhân dân xã ĐN, huyện HH, tỉnh Thái Bình như nguyên đơn trình bày là đúng.

Ông Nh và bà N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Đến năm 2015 bà N đi nước ngoài sinh sống không về, nên ông Nh và bà N ly thân cho đến nay. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt khó hàn gắn được nên đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn N1, sinh ngày 19/10/1997. Nay Nguyễn Văn N1 đã trưởng thành do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Nh tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Ý kiến của kiểm sát viên về vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng pháp luật về tố

tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 51, 55 Luật Hôn nhân gia đình, cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với bị đơn Ông Nguyễn Văn Nh, về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, tài sản chung và nợ chung: bà N, ông Nh không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, lời trình bày của đương sự đã có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ông Nguyễn Văn Nh đang cư trú tại Việt Nam; Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N đang cư trú tại Đài Loan, tuy nhiên tại thời điểm thụ lý vụ án Bà Nguyễn Thị N đã ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền nộp đơn khởi kiện và các văn bản có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại thành phố ĐB, Đài Loan nên đơn của bà N là hợp lệ và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; việc xét xử vắng mặt bà N và Ông Nguyễn Văn Nh theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 và tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Văn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐN, huyện HH, tỉnh Thái Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, ngày 06/12/1996 nên được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo các đương sự, quá trình chung sống bà N, ông Nh phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bị đơn sống không có trách nhiệm với gia đình nên bà N, ông Nh đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Tự bản thân bà N, ông Nh đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Xét thấy cuộc sống chung giữa bà N và ông Nh không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, nay hai bên đều đề nghị ly hôn nên áp dụng Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà N và ông Nh được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông Nh có 01 con chung tên Nguyễn Văn N1, sinh ngày 19/10/1997. Nay Nguyễn Văn N1 đã trưởng thành do đó bà N, ông Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Công nhận sự thoả thuận giữa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Văn Nh:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Văn Nh.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Văn Nh có 01 con chung tên Nguyễn Văn N1, sinh ngày 19/10/1997, Nguyễn Văn N1 đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Văn Nh không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng bà Trịnh Thị Ánh đã nộp thay tạm ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2023/0014196, ngày 27/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa phúc thẩm - TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- Viện phúc thẩm 2;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Thuấn**